LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2024

Phụ lục 1

KẾT QUẢ PHÚC TRA
KỲ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 2 NĂM 2024
KHU VỰC PHÍA BẮC
(Ban hành kèm theo Thông báo số 08/TB-HĐKT ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 2/2024)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
1	Nguyễn Thúy	An	31/12/1999	TP. Hà Nội	03	35	56.75	65	40		KHÔNG ĐẠT
2	Lê Thế	Anh	18/06/1999	TP. Hà Nội	11	40.25	50.25	68.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
3	Nguyễn Phương	Anh	28/08/1998	TP. Hà Nội	15	42.75	53	61	35.5		KHÔNG ĐẠT
4	Đào Duy	Anh	15/07/1995	TP. Hà Nội	16	41.25	63.25	65	35.75		KHÔNG ĐẠT
5	Vũ Đức	Anh	09/08/1993	TP. Hà Nội	17	42.75	52	53.5	41		KHÔNG ĐẠT
6	Trần Tuấn	Anh	03/08/1994	TP. Hà Nội	20	46.5	69.25	64.5	45		KHÔNG ĐẠT
7	Tống Tuấn	Anh	15/06/1976	TP. Hà Nội	21	62.75	43.75	54		44	KHÔNG ĐẠT
8	Đồng Tuấn	Anh	04/01/1988	TP. Hà Nội	23	44.5	56.75	61	50		ĐẠT
9	Bùi Thị Kim	Anh	02/01/1988	TP. Hà Nội	25	38.75	58	62.5	50.75		ĐẠT
10	Ngô Thị	Anh	18/09/1989	TP. Hà Nội	26	34	65.25	57.5	39.125		KHÔNG ĐẠT
11	Lê Quang	Anh	05/12/1991	TP. Hà Nội	28	37.25	39.75	50	33.75	43.75	KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
12	Lê Hoàng Tường	Anh	28/07/1996	TP. Hà Nội	29	42.25	51.25	50	38.75		KHÔNG ĐẠT
13	Ngô Tuấn	Anh	02/10/1995	TP. Hà Nội	31	38.5	56.25	79	36.25		KHÔNG ĐẠT
14	Vũ Thị Lan	Anh	25/02/1979	TP. Hà Nội	33	47.25	71	66	39.25		KHÔNG ĐẠT
15	Bùi Thị Phương	Anh	13/06/1998	TP. Hà Nội	37	39.25	65.75	67.5	50		ĐẠT
16	Nguyễn Thị Hà	Anh	26/05/1999	TP. Hà Nội	40	35.25	66.25	66	34.25		KHÔNG ĐẠT
17	Nguyễn Hoàng	Anh	25/10/1998	TP. Hà Nội	43	36.75	50.25	67.5	34.25		KHÔNG ĐẠT
18	Trần Thị Minh	Anh	18/07/1999	TP. Hà Nội	46	40	62.75	70	50.25		ĐẠT
19	Hoàng Hồng	Anh	22/12/1998	TP. Hà Nội	48	42.75	70.25	62.5	44		KHÔNG ĐẠT
20	Bùi Thị Ngọc	Ánh	15/06/1998	TP. Hà Nội	50	35.75	67.5	50	39.5		KHÔNG ĐẠT
21	Lương Văn	Ban	01/10/1996	TP. Hà Nội	58	43.25	64.5	60	41.25		KHÔNG ĐẠT
22	Nguyễn Đình	Bằng	17/08/1975	Bắc Ninh	60	41.25	45	58.5	38	45.75	KHÔNG ĐẠT
23	Nguyễn Đức	Bảy	10/07/1988	TP. Hà Nội	65	39.5	37.5	59	31.25	47	KHÔNG ĐẠT
24	Nguyễn Thế	Biên	06/02/1999	TP. Hà Nội	69	37.5	60	58	43		KHÔNG ĐẠT
25	Phạm Thị Bích	Cầm	17/08/1995	TP. Hà Nội	74	49	55.75	52	44.75		KHÔNG ĐẠT
26	Dương Linh	Chi	28/12/1996	Thái Nguyên	77	46.5	58	50	43.75		KHÔNG ĐẠT
27	Nguyễn Mạnh	Cường	26/12/1997	TP. Hà Nội	87	37.5	52.25	62.5	41.75		KHÔNG ĐẠT
28	Phạm Văn	Đạt	29/10/1993	TP. Hà Nội	95	44.75	64.5	70	42		KHÔNG ĐẠT
29	Lê Tuấn	Đạt	09/03/1983	TP. Hà Nội	97	43.75	54.5	67.5	43.75		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
30	Nguyễn Văn	Đạt	23/05/1991	TP. Hà Nội	98	33.75	65.5	50	41.25		KHÔNG ĐẠT
31	Phạm Tiến	Đạt	05/09/1998	TP. Hà Nội	99	38.75	54	70	38.75		KHÔNG ĐẠT
32	Nguyễn Thị	Diên	13/08/1998	TP. Hà Nội	101	46.75	75.5	57	50.5		ĐẠT
33	Phạm Thị Hồng	Diệp	05/01/1998	TP. Hà Nội	104	46.25	58	55	42		KHÔNG ĐẠT
34	Nguyễn Đại	Đồng	04/02/1980	TP. Hà Nội	110	24	54	50	21		KHÔNG ĐẠT
35	Lê Quảng	Đức	15/02/1977	TP. Hà Nội	113	36.75	55.75	50	30.75		KHÔNG ĐẠT
36	Phạm Thị	Dung	23/03/1993	TP. Hà Nội	123	46.5	68.75	50	46.5		KHÔNG ĐẠT
37	Đinh Hương	Giang	05/11/1997	Quảng Ninh	134	37.25	60.25	60	41.25		KHÔNG ĐẠT
38	Nguyễn Thị	Giang	24/02/1997	TP. Hà Nội	136	36.25	64.25	59	50		ĐẠT
39	Nguyễn Thị Thùy	Giang	05/11/1984	TP. Hà Nội	137	33.5	40	51	32.75	45.75	KHÔNG ĐẠT
40	Phan Thị Hà	Giang	07/05/1996	TP. Hà Nội	139	45	55.25	52	45		KHÔNG ĐẠT
41	Trương Lê Ngân	Giang	26/07/1999	TP. Hà Nội	141	38.5	51.25	62.5	38		KHÔNG ĐẠT
42	Hoàng Hương	Giang	27/07/1998	TP. Hà Nội	142	50.25	44.75	57.5		50.25	ĐẠT
43	Nguyễn Thị Kim	Hà	14/11/1998	Nghệ An	149	42	54.25	50	44		KHÔNG ĐẠT
44	Ninh Thị	Hà	09/09/1994	TP. Hà Nội	150	55.25	42.25	60		45.75	KHÔNG ĐẠT
45	Trần Trọng	Hải	12/11/1974	Hải Phòng	160	50.25	35	55		43.25	KHÔNG ĐẠT
46	Đặng Sơn	Hải	19/03/1996	TP. Hà Nội	164	25.75	38.25	60	32.25	45.75	KHÔNG ĐẠT
47	Nguyễn Thị	Hạnh	19/11/1990	Phú Thọ	173	43.75	62.75	55	39.75		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
48	Dương Thị Thu	Hiền	13/01/1994	Quảng Ninh	179	62.5	45.5	52.5		47.5	KHÔNG ĐẠT
49	Nguyễn Thị	Hiền	08/03/1993	TP. Hà Nội	184	41	55.25	50	35.75		KHÔNG ĐẠT
50	Lê Thị	Hiền	10/02/1994	TP. Hà Nội	188	38.5	45	50	30	45.5	KHÔNG ĐẠT
51	Vương Đức	Hiệp	14/12/1999	TP. Hà Nội	193	42.5	69.25	50	50		ĐẠT
52	Thân Thị	Hoa	11/10/1996	TP. Hà Nội	209	43.25	57	40	43		KHÔNG ĐẠT
53	Nguyễn Thị	Hoa	01/10/1977	TP. Hà Nội	210	41.75	47.5	50	45	47.75	KHÔNG ĐẠT
54	Trần Thị Thanh	Hòa	18/09/1993	TP. Hà Nội	216	45.5	67.25	57.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
55	Trần Thị	Hòa	21/12/1983	TP. Hà Nội	217	39.25	51.33	50	44		KHÔNG ĐẠT
56	Nguyễn Văn	Hoàn	24/09/1996	TP. Hà Nội	225	36	71.25	50	31.75		KHÔNG ĐẠT
57	Nguyễn Văn	Hoàng	05/05/1998	TP. Hà Nội	229	39	63.25	51	41.75		KHÔNG ĐẠT
58	Trần Văn	Hùng	01/06/1996	TP. Hà Nội	241	39.25	44.25	57	40.5	45.5	KHÔNG ĐẠT
59	Nguyễn Văn	Hùng	05/02/1973	TP. Hà Nội	245	41.5	50.5	60.5	46		KHÔNG ĐẠT
60	Nguyễn Thị Lan	Hương	22/01/1994	Bắc Ninh	250	44.75	63	54.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
61	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/03/1990	TP. Hà Nội	263	36.25	54	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
62	Nguyễn Quang	Huy	20/08/2000	TP. Hà Nội	270	40.5	52.75	50	32.5		KHÔNG ĐẠT
63	Trịnh Thị Thanh	Huyền	02/12/1998	Hải Phòng	274	41.5	72.75	50	40.25		KHÔNG ĐẠT
64	Nguyễn Thanh	Huyền	07/04/1999	Quảng Ninh	276	46.25	45.5	50	50	43.5	KHÔNG ĐẠT
65	Nguyễn Thị	Huyền	08/08/1997	TP. Hà Nội	280	29	67.5	56	31.25		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
66	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/08/1998	TP. Hà Nội	282	41	50.25	60	48		KHÔNG ĐẠT
67	Ngô Quốc	Khang	05/06/1980	TP. Hà Nội	291	24.25	59	50	22.5		KHÔNG ĐẠT
68	Nguyễn Quốc	Khánh	22/01/1998	TP. Hà Nội	293	31.5	54.5	62.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
69	Nguyễn Quốc	Kiên	17/09/1997	TP. Hà Nội	299	50.25	47.75	50		48.25	KHÔNG ĐẠT
70	Phạm Thị	Là	02/02/1977	TP. Hà Nội	301	41.25	42.25	52.5	41.25	49	KHÔNG ĐẠT
71	Nguyễn Thanh	Lâm	07/04/1976	Nghệ An	302	54	43	52.5		43.25	KHÔNG ĐẠT
72	Nguyễn Thị Hương	Lan	21/06/1976	TP. Hà Nội	307	43	59	50	45.25		KHÔNG ĐẠT
73	Nguyễn Thị	Lan	23/08/1992	TP. Hà Nội	308	46	40.75	52.5	46.25	43	KHÔNG ĐẠT
74	Đặng Ý	Lan	09/11/1992	TP. Hà Nội	309	48	69.5	67.5	50.5		ĐẠT
75	Nguyễn Thị Bảo	Linh	07/05/1996	Quảng Ninh	316	39.25	54.25	50	50		ĐẠT
76	Lê Hải	Linh	16/09/1995	TP. Hà Nội	322	45.5	59.5	52.5	46.25		KHÔNG ĐẠT
77	Ngô Mạnh	Linh	23/01/1990	TP. Hà Nội	324	54	40	52.5		50.5	ĐẠT
78	Bùi Thị	Linh	16/08/1995	TP. Hà Nội	326	42.25	67	52.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
79	Nguyễn Thuỳ	Linh	28/05/1986	TP. Hà Nội	327	55.75	42	67.5		50	ĐẠT
80	Phạm Hà	Linh	08/05/1996	TP. Hà Nội	338	42.5	53.75	73.5	50		ĐẠT
81	Đinh Thị Thùy	Linh	18/10/1994	TP. Hà Nội	342	43	60.5	52.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
82	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/01/1999	TP. Hà Nội	343	37.5	76.75	66	36.25		KHÔNG ĐẠT
83	Vương Kiều	Linh	06/03/1998	TP. Hà Nội	345	27.25	55.25	64	32.5		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
84	Triệu Tú	Linh	09/10/1998	TP. Hà Nội	346	40	54.75	52.5	34		KHÔNG ĐẠT
85	Nguyễn Văn	Lô	07/03/1984	Thanh Hóa	348	41	55.5	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
86	Phạm Thị	Loan	15/01/1997	TP. Hà Nội	351	53.75	41.25	65		46.5	KHÔNG ĐẠT
87	Đào Thị Ái	Loan	25/06/1971	TP. Hà Nội	354	34.25	25.25	60	34.25	30	KHÔNG ĐẠT
88	Lê Phúc	Lộc	25/09/1989	TP. Hà Nội	356	56.75	43.75	52.5		44	KHÔNG ĐẠT
89	Nguyễn Hoàng	Long	18/09/1983	TP. Hà Nội	363	44.5	51.25	52.5	50.5		ĐẠT
90	Nguyễn Vũ Hoàng	Long	14/03/1997	TP. Hà Nội	364	33.25	51.25	55	35.75		KHÔNG ĐẠT
91	Lý Hoàng	Long	27/10/1997	TP. Hà Nội	365	55.5	45.25	67.5		47.5	KHÔNG ĐẠT
92	Nguyễn Văn	Mạnh	31/12/1997	TP. Hà Nội	376	44	50.5	55	46.25		KHÔNG ĐẠT
93	Khổng Quang	Minh	28/09/1999	TP. Hà Nội	382	42.25	53.75	52.5	37		KHÔNG ĐẠT
94	Nguyễn Trà	My	14/11/1992	TP. Hà Nội	387	43.5	65	72.5	50		ĐẠT
95	Nguyễn Thái	Nam	05/06/1969	TP. Hà Nội	391	32	57.25	50	30		KHÔNG ĐẠT
96	Trần Thị Quỳnh	Nga	07/02/1992	Quảng Ninh	398	30.25	60.5	57.5	32.5		KHÔNG ĐẠT
97	Phan Thị Hằng	Nga	18/07/1991	TP. Hà Nội	402	32.75	41	50	32.25	46	KHÔNG ĐẠT
98	Hoàng Thị	Ngàn	21/02/1994	TP. Hà Nội	404	40.5	72.5	51	36.5		KHÔNG ĐẠT
99	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	12/03/1998	Quảng Ninh	406	57.25	39	57.5		35.75	KHÔNG ĐẠT
100	Nguyễn Thiên	Ngân	11/11/1999	TP. Hà Nội	413	46	66	55	41.75		KHÔNG ĐẠT
101	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	14/09/1995	TP. Hà Nội	414	40.25	50	50	31.25		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
102	Nguyễn Trương Hải	Ngọc	30/06/1979	TP. Hà Nội	420	42.25	56.5	54.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
103	Lê Hà An	Ngọc	28/10/1998	TP. Hà Nội	422	42.5	58.25	67.5	44.5		KHÔNG ĐẠT
104	Đặng Đức	Ngọc	30/10/1995	TP. Hà Nội	424	44.5	71	59	40		KHÔNG ĐẠT
105	Đào Thị Thu	Nguyên	05/05/1999	TP. Hà Nội	427	41	69.5	57.5	37		KHÔNG ĐẠT
106	Nguyễn Thị Hương	Nhàn	15/01/1997	TP. Hà Nội	434	28.5	40.66	60	30.5	42.75	KHÔNG ĐẠT
107	Trịnh Ngọc	Nhất	27/02/1998	TP. Hà Nội	436	34.25	51	50	38.25		KHÔNG ĐẠT
108	Giáp Trang	Nhung	29/12/1998	TP. Hà Nội	443	41.25	63.25	50	50		ĐẠT
109	Nguyễn Thị Mỹ	Ninh	22/08/1994	TP. Hà Nội	449	28.75	55.75	50	35.5		KHÔNG ĐẠT
110	Nguyễn Trọng	Ninh	16/06/1981	TP. Hà Nội	450	43.75	54.75	50	49		KHÔNG ĐẠT
111	Trần Văn	Phú	20/11/1991	TP. Hà Nội	460	55.5	47	52.5		45.75	KHÔNG ĐẠT
112	Hoàng Hữu	Phúc	01/07/1995	TP. Hà Nội	461	53.75	37	60		43	KHÔNG ĐẠT
113	Nguyễn Văn	Phương	20/08/1976	Nam Định	463	44.25	50	50	45.5		KHÔNG ĐẠT
114	Tô Cao	Phương	10/05/1999	TP. Hà Nội	469	52	39.25	50		46.5	KHÔNG ĐẠT
115	Nguyễn Thị Hà	Phương	24/03/1996	TP. Hà Nội	473	42.17	67.5	67.5	35.25		KHÔNG ĐẠT
116	Lê Xuân	Phương	04/07/1997	TP. Hà Nội	475	46.75	46.25	50	40	48.5	KHÔNG ĐẠT
117	Chu Văn	Quân	28/06/1995	TP. Hà Nội	483	36.25	60	52.5	45.25		KHÔNG ĐẠT
118	Nguyễn Mai	Quang	17/10/1991	TP. Hà Nội	486	51	41.75	50		50	ĐẠT
119	Vũ Đình	Quý	23/01/1983	TP. Hà Nội	490	41	42.75	57.5	42.75	38.75	KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
120	Trần Thế	Quyền	04/02/1994	TP. Hà Nội	492	47.5	66.25	60	45		KHÔNG ĐẠT
121	Kim Thị Ngọc	Quỳnh	01/09/1982	TP. Hà Nội	495	42.5	43.5	50	43.25	45.5	KHÔNG ĐẠT
122	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18/08/1997	TP. Hà Nội	496	42.25	53	65	50		ĐẠT
123	Nguyễn Xuân	Quỳnh	30/08/1997	TP. Hà Nội	498	41	63.75	50	41		KHÔNG ĐẠT
124	Nguyễn Thị Hồng	Siêm	12/02/1986	Hải Phòng	504	43	44	62.5	42.5	48.5	KHÔNG ĐẠT
125	Hoàng Hồng	Sinh	06/11/1997	TP. Hà Nội	505	32.5	64.5	60	33.25		KHÔNG ĐẠT
126	Võ Duy Kiên	Sơn	11/05/1993	TP. Hà Nội	508	39.25	38.75	50	50	40	KHÔNG ĐẠT
127	Trần Lâm	Sung	15/03/1994	TP. Hà Nội	512	41	56.25	52.5	45.5		KHÔNG ĐẠT
128	Đặng Thị Thu	Sương	28/12/1997	Nghệ An	513	39.25	59.25	62.5	33		KHÔNG ĐẠT
129	Dương Lê	Tài	16/10/1987	TP. Hà Nội	514	42.25	35.5	52.5	39.5	42.25	KHÔNG ĐẠT
130	Cao Hồng	Tâm	22/07/1999	TP. Hà Nội	516	43	53.5	67.5	43.25		KHÔNG ĐẠT
131	Nguyễn Thị	Thắm	29/09/1997	TP. Hà Nội	519	38.5	58	67.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
132	Nguyễn Mạnh	Thắng	19/09/1983	TP. Hà Nội	522	50	42.5	57.5		50	ĐẠT
133	Nguyễn Nam	Thắng	13/06/1979	TP. Hà Nội	523	46	66	50	50.25		ĐẠT
134	Thái Bá	Thắng	03/05/1996	TP. Hà Nội	528	50	41.5	52.5		46	KHÔNG ĐẠT
135	Nguyễn Đức	Thắng	18/02/1986	TP. Hà Nội	529	44.25	56	57.5	35		KHÔNG ĐẠT
136	Nguyễn Gia	Thành	01/08/1994	TP. Hà Nội	534	51.25	34	52.5		39	KHÔNG ĐẠT
137	Phạm Tiến	Thành	18/01/1978	Quảng Nam	535	50.75	42.75	50		50	ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
138	Nguyễn Phương	Thảo	12/09/1998	TP. Hà Nội	539	48.75	67.25	65	50.25		ĐẠT
139	Đinh Nguyễn Phương	Thảo	14/03/1988	TP. Hà Nội	543	39.25	61.5	52.5	40		KHÔNG ĐẠT
140	Nguyễn Văn	Thiệu	13/08/1983	TP. Hà Nội	546	35.25	55.5	50	34		KHÔNG ĐẠT
141	Ngô Sỹ	Thịnh	20/03/1988	TP. Hà Nội	547	34.25	55.25	52.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
142	Dương Thị	Thoa	28/07/1995	TP. Hà Nội	550	45.75	59	60	44.25		KHÔNG ĐẠT
143	Vũ Thị Minh	Thu	30/09/1974	TP. Hà Nội	556	46	67.25	53	50		ĐẠT
144	Đỗ Văn	Thuận	09/10/1987	TP. Hà Nội	561	41.25	56.5	50	39.75		KHÔNG ĐẠT
145	Đỗ Hữu	Thục	23/02/1992	Hải Phòng	562	35.75	58	59.5	31.75		KHÔNG ĐẠT
146	Quách Công	Thương	30/10/1994	TP. Hà Nội	563	43.75	44	61.5	38.75	50	KHÔNG ĐẠT
147	Tạ Thị Thanh	Thùy	21/03/1982	TP. Hà Nội	572	36.25	50.75	54	40		KHÔNG ĐẠT
148	Đỗ Đăng	Thùy	30/09/1990	TP. Hà Nội	573	37.5	53.25	63.5	34		KHÔNG ĐẠT
149	Nguyễn Thanh	Thủy	24/02/1978	TP. Hà Nội	576	41.5	50.25	52.5	39.25		KHÔNG ĐẠT
150	Quàng Thị	Thủy	12/05/1992	TP. Hà Nội	579	34	43.5	52.5	37	48	KHÔNG ĐẠT
151	Nguyễn Việt	Tiến	06/09/1994	TP. Hà Nội	580	42	61.25	62.5	35.5		KHÔNG ĐẠT
152	Nguyễn Thành	Tiến	13/09/1989	TP. Hà Nội	581	35	51	67.5	29.25		KHÔNG ĐẠT
153	Nguyễn Văn	Tình	08/09/1995	TP. Hà Nội	585	35.25	67	62.5	41		KHÔNG ĐẠT
154	Nguyễn Ngọc	Toàn	29/06/1975	TP. Hà Nội	587	45.75	56	60	40		KHÔNG ĐẠT
155	Nguyễn Thị Hương	Trà	01/01/1979	TP. Hà Nội	590	43	58.75	57.5	41.5		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
156	Lê Thị	Trang	28/04/1996	TP. Hà Nội	598	44.25	64.25	57.5	42.75		KHÔNG ĐẠT
157	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	19/05/1996	TP. Hà Nội	600	39.75	56.25	60	40		KHÔNG ĐẠT
158	Hoàng Thị Hà	Trang	14/08/1997	TP. Hà Nội	602	39.5	51.5	55	34.75		KHÔNG ĐẠT
159	Vũ Thị Hà	Trang	17/09/1994	TP. Hà Nội	604	38.75	68.25	60	36		KHÔNG ĐẠT
160	Lại Thị Hồng	Trang	07/10/1992	TP. Hà Nội	608	36.25	45.5	60	41.25	48	KHÔNG ĐẠT
161	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/04/1980	TP. Hà Nội	611	42.5	69.25	52.5	41.25		KHÔNG ĐẠT
162	Lưu Tiến	Trung	20/10/1984	Vĩnh Phúc	619	45.5	73.25	57.5	44.25		KHÔNG ĐẠT
163	Hoàng Quang	Trung	23/09/1982	TP. Hà Nội	621	37.5	54.75	50	36.25		KHÔNG ĐẠT
164	Nguyễn Đức	Tuấn	25/05/1990	Vĩnh Phúc	629	40.5	40.5	51	43	45.25	KHÔNG ĐẠT
165	Hà Quốc	Tuấn	15/06/1963	TP. Hà Nội	631	52.25	45.75	50		45.25	KHÔNG ĐẠT
166	Trần Thanh	Tùng	18/06/1990	TP. Hà Nội	637	42	39.5	50	35	43.75	KHÔNG ĐẠT
167	Nguyễn Thanh	Tùng	21/08/1998	TP. Hà Nội	638	33.5	66	55.5	30		KHÔNG ĐẠT
168	Nguyễn Văn	Tuyến	10/02/1972	TP. Hà Nội	640	22.5	52.75	50	29.5		KHÔNG ĐẠT
169	Đặng Thu	Uyên	20/11/1998	TP. Hà Nội	645	42.75	50	50	44		KHÔNG ĐẠT
170	Bùi Thị	Vân	14/07/1992	TP. Hà Nội	648	40.5	59.5	57.5	50		ĐẠT
171	Hoàng Bá	Viết	24/12/1951	Thanh Hóa	652	15	50.75	55.5	20		KHÔNG ĐẠT
172	Trịnh Minh	Việt	17/05/1993	TP. Hà Nội	655	27.5	58.25	52.5	23.25		KHÔNG ĐẠT
173	Dương Thế	Vũ	01/05/1995	TP. Hà Nội	662	62.5	43.75	59		49.25	KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	*Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	*Điểm Thực hành*	*Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư*	*Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ QTĐĐ và UXNNLSVN*	KẾT QUẢ
174	Hoàng Ngọc	Xuân	01/03/1999	TP. Hà Nội	665	42.5	67.25	60	40.75		KHÔNG ĐẠT
175	Nguyễn Thị Hải	Yến	25/09/1994	Vĩnh Phúc	667	36.25	62.25	56.5	38.25		KHÔNG ĐẠT
176	Ngô Thị	Yến	06/11/1973	Hải Dương	668	38.75	32	53.5	47.5	32.75	KHÔNG ĐẠT